

Số: /2022/QĐ-UBND Quảng Nam, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 64/TTr-SNV ngày 07/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, như sau:

“Điều 4. Căn cứ xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải trên cơ sở cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét đề nghị khen thưởng (Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ: Không xét, đề nghị khen thưởng cho tất cả các tập thể thuộc, trực thuộc và cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hoàn thành nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 02% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 05% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 08% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Các cơ quan, đơn vị không thuộc diện được đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 04% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn để xét khen thưởng.

4. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

5. Đối với khen thưởng (Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) trong sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải có kế hoạch tổ chức sơ kết, tổng kết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó có nội dung về đối tượng, số lượng khen thưởng hoặc phải có văn bản thống nhất chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng, số lượng khen thưởng trước khi thực hiện.

Đối tượng khen thưởng là các tập thể nhỏ, các tập thể thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương; cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua.

Đối với các phong trào thi đua có hướng dẫn khen thưởng của Trung ương và các phong trào thi đua yêu nước trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ phát động được thực hiện theo quy định, hướng dẫn riêng.

6. Đối với khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, cụ thể:

a) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình công hiến).

b) Các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động các hạng (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định mới tiếp tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (trừ các danh hiệu, hình thức khen thưởng hàng năm theo cụm, khối thi đua và khen thưởng chuyên đề, đột xuất).

7. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước; kết quả khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

8. Việc xét khen thưởng phải được thực hiện qua bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu để tổng hợp.

Trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

9. Không xét, đề nghị khen thưởng đối với tập thể thuộc đối tượng tham gia vào các cụm, khối thi đua nhưng không tham gia. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các cụm, khối thi đua nhưng không ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn hoạt động, không xếp rõ vị thứ thi đua đối với các đơn vị trong từng cụm, khối thì không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể trong cụm, khối thi đua.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2022. Các nội dung khác tại Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số

11/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KT VB QPPL);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- TTTU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Công báo tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS (Ba).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh